

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Tuấn.

Bà Đinh Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 139 ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Số 255/16 đường 30/4, Khóm 0, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn K trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống với bà X có một người con chung tên Võ Chí C, sinh ngày 08/5/2000, hiện con chung đã trưởng thành và đi làm có cuộc sống riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian

còn sống chung vợ chồng hay xảy ra cãi vã, bà X đã bỏ đi nhiều năm không còn chung sống với ông K nữa. Do ông K và bà X đã không còn chung sống từ lâu, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: ông K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị X. Về con chung: đã trưởng thành nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông K khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị X là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai: bà không nhớ chung sống với ông K vào năm nào, chung sống không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung như ông K trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K hay ghen tuông rồi đánh đập bà nên bà và ông K sống chung được 07 năm thì không sống chung cho đến nay. Nay người nào cũng có cuộc sống riêng nên bà X đồng ý ly hôn với ông K. Về con chung: đã trưởng thành nên bà X không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Ý kiến của Viện kiểm sát: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Do ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X không đăng ký kết hôn nên không công nhận ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng. Về con chung tên Võ Chí C đã trưởng thành các bên không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: buộc ông Võ Văn K nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị X là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014 nên hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống ông K và bà X bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, xô xát với nhau nên đã không còn sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Nay ông K yêu cầu được ly hôn với bà X và bà X cũng đồng ý ly hôn với ông K. Tuy nhiên, ông K và bà X chung sống không có đăng ký

kết hôn nên không thể giải quyết cho ông, bà ly hôn mà cần áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X cùng thống nhất có 01 con chung tên Võ Chí C, sinh ngày 08/5/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X cùng thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Võ Văn K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

Về con chung: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X thống nhất con chung tên Võ Chí C, sinh ngày 08/5/2000 đã trưởng thành và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị X cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Văn K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018023 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Ông Võ Văn K đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai